

Luận văn tốt nghiệp: "Kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Vận tải Thủy Bộ Bắc Giang"

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay xu thế cạnh tranh là tất yếu, bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nào cũng cần quan tâm đến nhu cầu thị trường đang và cần sản phẩm gì? Vì vậy doanh nghiệp cần quan tâm và phấn đấu sản xuất sản phẩm có chất lượng cao nhất với giá thành thấp để thu lợi nhuận nhiều nhất. Muốn vậy doanh nghiệp sản xuất phải tổ chức và quản lý tốt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Quá trình sản xuất của doanh nghiệp sẽ bị gián đoạn và không thể thực hiện được nếu thiếu nguyên vật liệu. Do vậy yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất là vật tư, để quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành đều đặn doanh nghiệp phải có kế hoạch mua và dự trữ các loại vật tư hợp lý, phải đảm bảo cung cấp vật tư đầy đủ, kịp thời cả về số lượng và chất lượng. Mà trong đó vật liệu chiếm tỷ trọng lớn và là đối tượng lao động cấu thành lên sản phẩm. Muốn có được các thông tin kinh tế cần thiết để tiến hành phân tích và đề ra các biện pháp quản lý đúng, kịp thời nhu cầu vật liệu cho sản xuất, sử dụng vật liệu tiết kiệm có lợi nhất thì các doanh nghiệp sản xuất cần phải tổ chức kế toán nguyên vật liệu.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần Vận tải Thủy Bộ Bắc Giang với kiến thức thu nhận được tại trường, với sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của cô giáo Nguyễn Quỳnh Như và các anh chị phòng Tài vụ công ty em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu có tầm quan trọng lớn với mỗi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Bởi vậy em đã chọn và viết báo cáo thực tập với đề tài: "**Kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Vận tải Thủy Bộ Bắc Giang**".

Đ/C: Số 14 Nguyễn Khắc Nhu - Trần Nguyên Hãn - TPBG.

Nội dung chuyên đề gồm 3 chương:

Chương I: Các vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu

Chương II: Thực trạng công tác kế toán tại công ty cổ phần Vận tải Thủy Bộ.

Chương III: Nhận xét và công tác kiến nghị về kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần vận tải Thủy Bộ.

CHƯƠNG I

CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA NGUYÊN VẬT LIỆU

- NVL là những đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hoá bao gồm: nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế... (nó là tài sản dự trữ, là đối tượng lao động của sản xuất kinh doanh).

- Đặc điểm của NVL chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và toàn bộ giá trị NVL được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

+ Toàn bộ giá trị NVL chuyển vào giá trị sản phẩm mới hình thành nên chi phí NVL được tính vào giá thành sản phẩm.

+ Chi phí NVL chiếm tỉ trọng lớn 60 - 90% trong giá thành sản phẩm một trong ba yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh.

II. PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN NVL

1. Phân loại

NVL rất đa dạng, phong phú và có nhiều chủng loại do đó có nhiều cách phân loại khác nhau nhưng nếu căn cứ vào vai trò và tác dụng của NVL thì được phân thành:

- Nguyên vật liệu (152)
- Nguyên vật liệu phụ (1522)
- Nhiên liệu (1523)
- Phụ tùng thay thế (1524)
- Thiết bị xây dựng cơ bản (1525)
- Vật liệu khác

2. Phương pháp đánh giá và cách đánh giá NVL

2.1. Nguyên tắc đánh giá NVL

NVL hiện có ở các doanh nghiệp được phản ánh trong sổ sách kế toán theo giá thực tế. Giá thực tế NVL trong từng trường hợp có thể khác nhau tùy thuộc vào nguồn và giai đoạn nhập xuất NVL, vì vậy khi hạch toán phải tuân theo nguyên tắc nhất quán trong cách tính giá NVL.

2.2. Cách đánh giá NVL nhập kho

NVL nhập kho có thể là do nhiều nguồn khác nhau như tự sản xuất thuê ngoài gia công chế biến, được biếu tặng hoặc do nhập vốn góp liên doanh, kiểm kê phát hiện thừa... nhưng nguồn phổ biến nhất là do mua ngoài.

Với NVL mua ngoài dùng cho hoạt động kinh doanh chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ theo giá NVL được tính là giá mua ghi trên hoá đơn của người bán cộng với chi phí thu mua khác và thuế nhập khẩu (nếu có) trừ đi các khoản giảm giá hàng mua và chiết khấu thương mại được hưởng.

Với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là tổng giá thanh toán gồm cả thuế GTGT.

2.3. Cách đánh giá NVL xuất kho

Tùy theo đặc điểm hoạt động của từng doanh nghiệp, yêu cầu quản lý và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán mà lựa chọn phương pháp tính giá phù hợp cho doanh nghiệp mình ta có thể sử dụng một trong các phương pháp sau:

Phương pháp nhập trước, xuất trước; phương pháp nhập sau, xuất trước phương pháp đơn giá bình quân có ba cách tính: giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ, giá đơn vị bình quân cuối kỳ, giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập; phương pháp đích danh và phương pháp hạch toán.

3. Nhiệm vụ

Để thực hiện tốt công tác quản lý NVL kế toán phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Ghi chép, phản ánh một cách đầy đủ, kịp thời số liệu hiện có và tình hình luân chuyển NVL cả về giá trị và hiện vật, tính toán đúng đắn giá vốn

của NVL nhập - xuất kho nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ yêu cầu quản lý cho doanh nghiệp.

III. THỦ TỤC QUẢN LÝ NHẬP - XUẤT KHO NVL VÀ CÁC CHỨNG TỪ KẾ TOÁN LIÊN QUAN

1. Thủ tục nhập - xuất kho

- Thủ tục nhập kho: khi có giấy báo nhận hàng về đến nơi phải lập ban kiểm nghiệm (về số lượng, quy cách, chất lượng...) Ban kiểm nghiệm lập biên bản kiểm nghiệm, bộ phận cung ứng lập phiếu nhập kho dựa trên hoá đơn mua hàng, giấy báo nhận hàng và biên bản kiểm nghiệm rồi chuyển cho thủ kho. Thủ kho kiểm tra và nhận hàng rồi ghi thẻ kho sau đó chuyển lên phòng kế toán làm thủ tục ghi sổ chi tiết và sổ tổng hợp nhập NVL. Trường hợp hàng thừa, thiếu thủ kho phải báo cho bộ phận cung ứng và người giao lập biên bản chờ xử lý.

2. Các chứng từ cần thiết

- Phiếu nhập kho (mẫu số 01 - VT)
- Phiếu nhập kho (mẫu số 02 - VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu số 03 P XK - 3LL)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (mẫu số 08 - VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hoá (mẫu số 05 - VT)
- Thẻ kho (mẫu số 06 - VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (mẫu số 07 - VT)
- Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý (mẫu số 04 - HDL - 3LL)

IV. KẾ TOÁN CHI TIẾT VÀ TỔNG HỢP NVL

1. Kế toán chi tiết NVL

Để kế toán chi tiết vật liệu hiện nay ở nước ta các doanh nghiệp đang áp dụng 1 trong 3 phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song;
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mỗi phương pháp có những ưu nhược điểm khác nhau tùy theo từng đặc điểm mỗi doanh nghiệp mà áp dụng phương pháp nào cho phù hợp.

2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

2.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 152 "nguyên liệu, vật liệu", tài khoản 151 "hàng đang đi trên đường", tài khoản 331 "phải trả cho người bán". Ngoài ra trong quá trình hạch toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như tài khoản 133, tài khoản 111, 112...

2.2. Hạch toán tình hình biến động tăng NVL đối với các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Đối với các cơ sở kinh doanh đã có đầy đủ điều kiện tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế GTGT đầu vào được tách riêng không ghi vào giá thực tế của NVL. Như vậy khi mua hàng trong tổng giá thanh toán phải trả cho người bán, phần giá mua chưa có thuế được ghi vào sổ được khấu trừ.

Các nghiệp vụ làm tăng NVL có thể cho doanh nghiệp tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, do nhân góp vốn liên doanh, do xuất dùng chưa hết nhập kho... nhưng nghiệp vụ kế toán chủ yếu nhất là tăng NVL do mua ngoài sẽ được hạch toán như sau:

* Trường hợp mua ngoài hàng hoá đơn cùng về:

a. Trường hợp hàng đủ so với hoá đơn: căn cứ vào hoá đơn mua hàng biên bản kiểm nhân và phiếu nhập kho kế toán ghi:

Nợ TK 152: Giá mua + chi phí mua NVL

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ (1331 thuế GTGT hàng hoá, dịch vụ được khấu trừ).

Có TK 331: Tổng giá thanh toán

b. Trường hợp hàng về thuế so với hoá đơn: kế toán chỉ ghi tăng số NVL thực nhận, số phiếu phải căn cứ vào biên bản kiểm nhận thông báo cho bên bán để cùng giải quyết.

Nợ TK 152: Giá trị số thực nhập kho

Nợ TK 138: Giá trị số thiếu không có thuế GTGT

Nợ TK 133: GTGT theo hoá đơn

Có TK 331: Giá thanh toán theo hoá đơn

- Nếu người bán giao tiếp hàng thiếu

Nợ TK 152 (chi tiết NVL): số thiếu đã nhận.

Có TK 138 (1381): Xử lý số thiếu

- Nếu người bán không còn hàng

Nợ TK 331: Chi giảm số tiền phải trả người bán (tổng giá thanh toán)

Có TK 138 (1381): Xử lý số thiếu

Có TK 133 (1331): Thuế GTGT tương ứng số hàng thiếu

- Nếu cá nhân làm mất phải bồi thường:

Nợ TK 138 (1388): 334: cá nhân bồi thường

Có TK 133 (1331): Thuế GTGT tương ứng số hàng thiếu cá nhân bồi thường.

Có TK 138 (1381): Xử lý số thiếu cá nhân bồi thường

- Nếu thiếu không xác định được nguyên nhân

Nợ TK 811: Số thiếu không rõ nguyên nhân

Có TK 138 (1381): Xử lý số thiếu

c. Trường hợp hàng về thừa so với hoá đơn: Bên phát hiện thừa phải báo cáo cho các bên liên quan biết để xử lý, kế toán hạch toán:

- Nếu nhập toàn bộ thì ghi tăng giá trị NVL:

Nợ TK 152: Giá mua + chi phí mua NVL chưa có thuế

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331: Tổng giá thanh toán theo hoá đơn

Có TK 338: Giá trị hàng thừa theo giá mua chưa thuế.

- Nếu trả lại hàng thừa:

Nợ TK 338 (3381): Giá trị thừa đã xử lý

Có TK 152 (chi tiết): Trả lại số thừa

- Nếu mua tiếp số thừa:

Nợ TK 338 (3381): Trị giá hàng thừa

Nợ TK 133 (1331): Thuế GTGT của số hàng thừa

Có TK 331: Tổng giá thanh toán số hàng thừa

- Nếu không rõ nguyên nhân thì ghi tăng thu nhập bất thường

Nợ TK 338 (3381): Trị giá hàng thừa

Có TK 711: Số thừa không rõ nguyên nhân

2.3. Hạch toán NVL trong các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Hạch toán tương tự như doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng phần thuế GTGT được tính vào trị giá thực tế của NVL nên khi mua ngoài giá mua bằng tổng hợp giá thanh toán.

2.4. Hạch toán tình hình biến động giảm NVL:

Khi xuất NVL sử dụng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm, dịch vụ hoặc cho quản lý, kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho ghi:

Nợ TK 621: Giá trị vật liệu xuất dùng cho sản xuất sản phẩm

Nợ TK 627: Giá trị vật liệu xuất cho bộ phận quản lý phân xưởng

Nợ TK 641: Giá trị vật liệu xuất bộ phận bán hàng

Nợ TK 642: Giá trị vật liệu xuất bộ phận quản lý doanh nghiệp

Có TK 152: Tổng giá trị vật liệu xuất cho các bộ phận

Ngoài ra còn giảm do xuất bán, góp vốn liên doanh, cho vay tạm thời hoặc do các nguyên nhân khác.

3. Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ

3.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 611 "Mua hàng"; tài khoản 133 "Thuế GTGT được khấu trừ"... và một số tài khoản khác.

3.2. Trình tự hạch toán

- Đầu kỳ kết chuyển giá trị NVL sang TK 611

Nợ TK 611

Có TK 152, 151

- Trong kỳ căn cứ vào hoá đơn mua hàng, phiếu nhập kho kế toán ghi

Nợ TK 611: Giá mua không thuế

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331: Tổng giá thanh toán

Còn một số nghiệp vụ làm tăng khác do mượn nội bộ, vay NVL tạm thời...

- Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, căn cứ vào chứng từ kế toán ghi.

Nợ TK 111, 112: Nếu trả tiền

Nợ TK 331: Nếu chưa thanh toán

Có TK 611: Ghi giảm trị giá hàng mua

Có TK 333: Thuế GTGT tương ứng

- Cuối kỳ căn cứ vào số liệu kiểm kê NVL tồn kho, biên bản kiểm kê và quyết định xử lý về mất mát, thiếu hụt kế toán hạch toán.

Nợ TK 152: Giá trị NVL tồn kho theo biên bản kiểm kê.

Nợ TK 151: Giá trị NVL đang đi đường

Nợ TK 138 (1381); 334: Giá trị NVL mất, cá nhân bồi thường

Nợ TK 138 (1381): Giá trị NVL mất chưa rõ nguyên nhân

Có TK 611 (chi tiết)

Cuối kỳ giá trị kiểm kê được kết chuyển sang TK 152 để lập báo cáo

* Với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì trong giá của NVL có cả thuế GTGT đầu vào khi đó giá mua sẽ bằng tổng giá thanh toán.

Các nghiệp vụ phát sinh ở thời điểm đầu kỳ, trong kỳ và cuối kỳ hạch toán tương tự như doanh nghiệp tính thuế GTGT phương pháp khấu trừ.

CHƯƠNG II
THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ BỘ BẮC GIANG

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ BỘ BẮC GIANG

1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần vận tải thuỷ bộ Bắc Giang

Công ty cổ phần vận tải thuỷ bộ Bắc Giang là một cơ sở kinh tế quốc dân của thành phố Bắc Giang. Tiền thân của công ty trước đây nguyên là:

- Xí nghiệp hợp doanh ô tô Hà Bắc (1963 - 1968)
- Xí nghiệp vận tải ô tô Hà Bắc (1969 - 1974)
- Công ty vận tải ô tô Hà Bắc (1975 - 1987)
- Công ty vận tải hàng hoá Hà Bắc (1988 - 1997)

- Tháng 6/1999 UBND tỉnh Bắc Giang có quyết định xác nhận xưởng sửa chữa đường thuỷ của đoạn đường quản lý đường bộ, công ty vận tải hàng hoá Bắc Giang và đổi tên công ty thành công ty vận tải thuỷ bộ Bắc Giang. Công ty được thành lập theo quyết định 39/QĐ-UB ngày 19/6/1999 của UBND tỉnh Bắc Giang và theo quyết định số 226/QĐ-UB ngày 18/12/2000 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá.

Theo quyết định 228/QĐ-UB ngày 30/12/2000 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chuyển công ty vận tải thuỷ bộ Bắc Giang thành công ty cổ phần vận tải thuỷ bộ Bắc Giang.

Địa điểm chính: Số 14 Nguyễn Khắc Nhu - phường Trần Nguyên Hãn - Thành phố Bắc Giang

Xưởng sửa chữa đường thuỷ: cụm Châu Xuyên - phường Lê Lợi thành phố Bắc Giang và cửa hàng xăng dầu Đình Trám Bắc Giang .

Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang đã liên tục phát triển và gặt hái được những thành tích đáng kể công ty luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch giá trị sản xuất, doanh thu tiêu thụ, vật chất kỹ thuật, vật tư tiền vốn và lao động được thể hiện qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2005 như sau:

Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh năm 2005

Đơn vị: 1000 đ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2004	TH 2005	%
1	Tổng đầu xe	Chiếc	25	20	80
2	Tổng sản lượng qui đổi				
	1. Tấn hàng vận chuyển	Tấn	98.720	89.600	91
	2. Tấn hàng vận chuyển	Tấn/km	3137.500	3.346.000	106
3	Tổng doanh thu	Đồng	3.504.029.710	3.709.146.377	
4	Tổng chi phí	Đồng	333.415.627	428.955.483	105,3
5	Tổng lợi nhuận	Đồng	30.382.523	34.509.952	128,6
6	Các khoản phải nộp ngân sách	Đồng		5.000.000	113
7	Tổng quỹ lương	Đồng	181.645.333	145.509.724	80
8	Tổng lao động bình quân	Đồng			
9	Tiền lương bình quân	Đồng	766.766	840.951	109

2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang

2.1. Chức năng và nhiệm vụ của công ty

- Chức năng của công ty với ngành sản xuất kinh doanh chính là thủy bộ, kinh doanh các ngành nghề khác được cho phép như xăng dầu

- Nhiệm vụ chính của công ty là vận chuyển hàng hoá và hành khách bằng phương tiện ô tô, tàu thuyền phục vụ nhu cầu cuộc sống dân sinh, phục vụ an ninh quốc phòng, phát triển nền kinh tế xã hội, sửa chữa đóng mới

phương tiện vận tải thủy bộ, kinh doanh: phụ tùng, vật tư, thiết bị và máy móc động lực các loại, dịch vụ đại lý vận tải, kinh doanh xăng dầu.

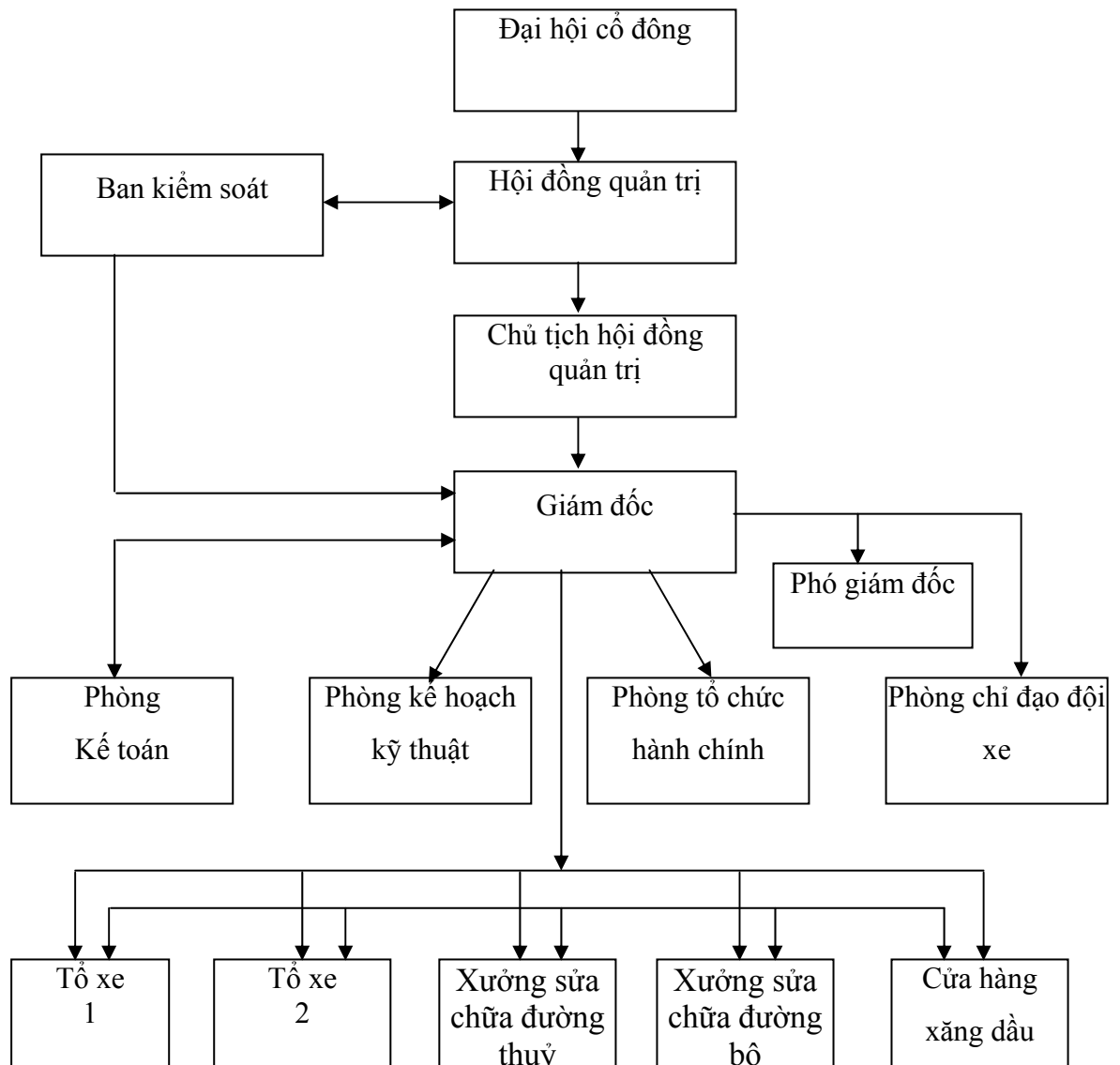
2.2. Quy trình công nghệ sản xuất

Từ đặc điểm của công ty là một đơn vị sản xuất kinh doanh mang tính chất dịch vụ là chủ yếu. Do đó sản phẩm của công ty không mang hình thái vật chất mà chỉ làm tăng thêm giá trị của sản phẩm cũng chính vì lý do đó, mà quy trình công nghệ sản phẩm của công ty không phân thành các công đoạn sản xuất, mà công nghệ của công ty được phân theo các đầu xe vận tải cụ thể. Hoạt động sản xuất của các đầu xe sản xuất một cách riêng rẽ và độc lập của các đầu xe được thực hiện thông qua phương án khoán vật tư.

3. Tổ chức bộ máy quản lý và sản xuất của công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang

Tại Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang, mối quan hệ giữa các phòng ban, các bộ phận sản xuất kinh doanh là mối quan hệ chặt chẽ trong một cơ chế chung, hoạch toán kinh tế độc lập, quản lý trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của người lao động. Nhằm thực hiện việc quản lý có hiệu quả, công ty đã chọn mô hình quản lý tập trung đang được sử dụng phổ biến và những ưu điểm, điều kiện áp dụng phù hợp với thực tế quản lý ở nước ta hiện nay.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

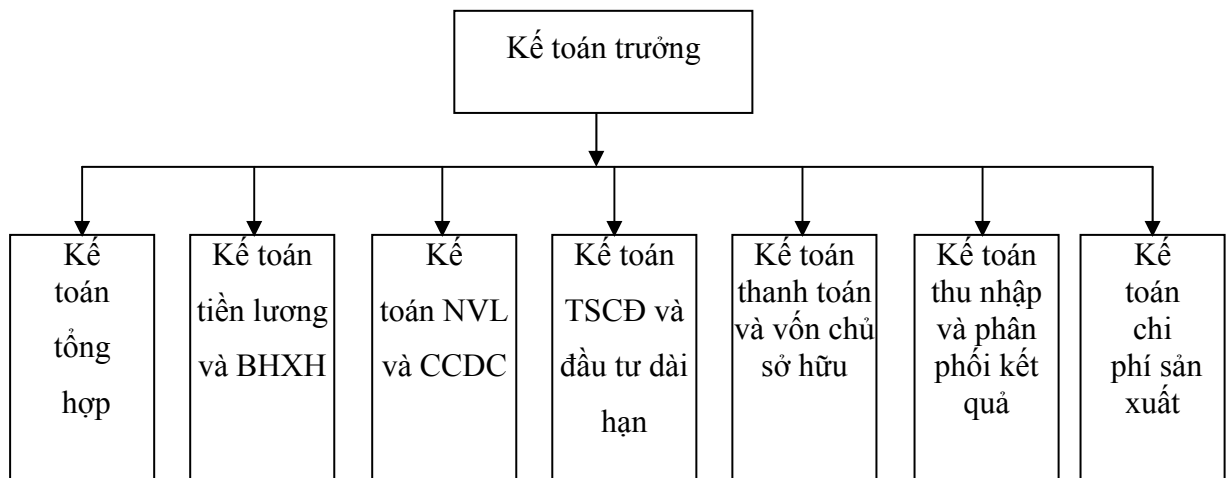


4. Tổ chức công tác kế toán trong Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang

4.1. Bộ máy kế toán

Với tư cách là một hệ thống thông tin, kiểm tra và hoạch toán bộ máy kế toán là 1 bộ phận không thể thiếu trong hệ thống quản lý xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung như sau:

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



Bộ máy kế toán tại văn phòng công ty có 2 người: kế toán trưởng, kế toán tổng hợp.

- Kế toán trưởng: kiêm trưởng phòng kế toán tài vụ công ty, chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về công tác tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức hoạch toán kế toán

- Kế toán tổng hợp kiêm nhiệm các phần hành kế toán khi chi tiết dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của kế toán trưởng, hàng ngày kế toán tổng hợp thu thập và phân loại các chứng từ gốc và cuối tháng lập chứng từ phát sinh vào các tài khoản thích hợp khác đồng thời kế toán tổng hợp kiêm luôn các phần hành kế toán khác.

4.2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ

Niên độ kế toán của công ty được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán tuân thủ theo chế độ kế toán Nhà nước đó là sử dụng tiền Việt Nam (VNĐ)

4.3. Phương pháp kế toán công ty áp dụng

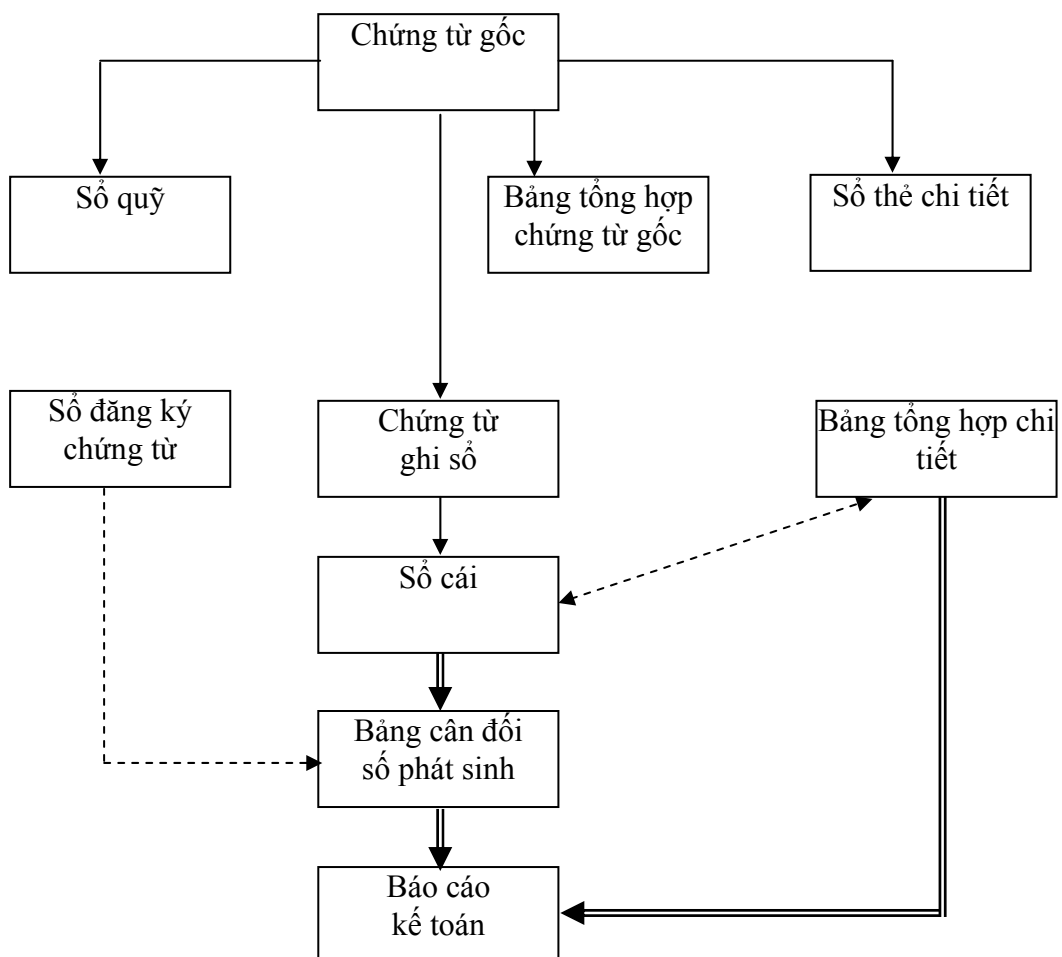
Để phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh, công ty đã sử dụng phương pháp khấu hao TSCĐ theo đường thẳng

Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời và chính xác một cách thường xuyên liên tục trong quá trình sản xuất kinh doanh, công ty đã sử dụng kế toán kê khai thường xuyên là nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

4.4. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang.

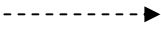
Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh với quy mô nhỏ, để phù hợp với yêu cầu quản lý và trình độ cán bộ công nhân viên đồng thời làm căn cứ vào chế độ kế toán của Nhà nước công ty đã áp dụng hình thức là kế toán chứng từ ghi sổ đối với bộ phận kế toán của công ty:

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.



Ghi chú: ghi hàng ngày →

ghi cuối tháng 

Đôi chiếu cuối tháng 

5. Hình thức thanh toán chi tiết vật liệu

Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang đã áp dụng phương pháp thẻ song song. Sau đây là nội dung của phương pháp:

5.1. Ở kho: Thủ kho căn cứ vào chứng từ nhập, xuất, ghi số lượng vật liệu thực nhập, thực xuất vào thẻ kho. Thủ kho thường xuyên đối chiếu số tồn kho trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế, hàng ngày (định kỳ) sau khi giao thẻ xong thủ kho phải chuyển những chứng từ nhập xuất kho cho phòng kế toán kèm theo giấy giao nhập chứng từ do thủ kho lập.

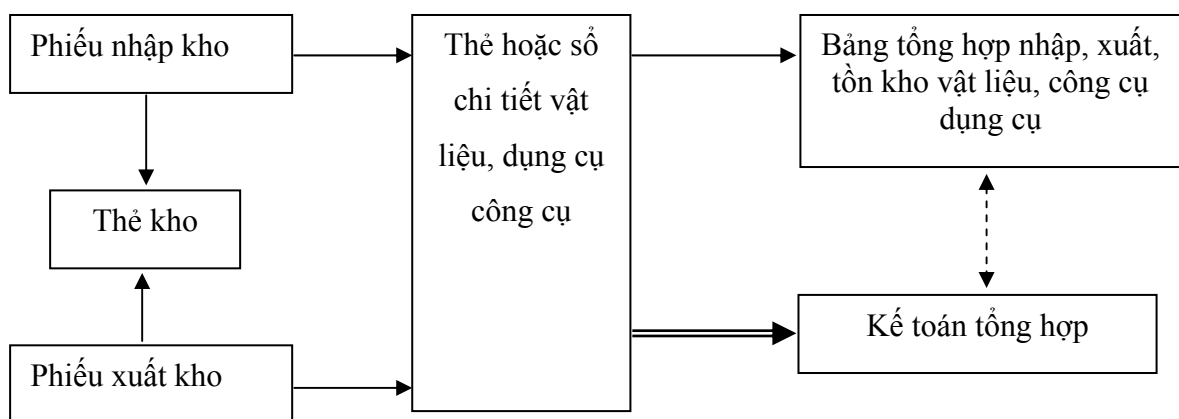
5.2. Ở phòng Kế toán

Mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu cho từng thứ vật liệu cho đúng với thẻ kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị.

Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận chứng từ nhập xuất, kế toán phải kiểm tra chứng từ và ghi vào cột đơn giá thành tiền, phân loại chứng từ sau đó ghi vào sổ chi tiết.

Cuối tháng kế toán và thủ kho đối chiếu số liệu trên thẻ kho với số liệu chi tiết vật liệu.

Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - <-----> Quan hệ đối chiếu
 - ====> Ghi cuối tháng

II. THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TÀI THỦY BỘ BẮC GIANG

1. Phân loại nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh của Công ty là các đối tượng mua ngoài. Để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán cần tiến hành phân loại vật liệu. Căn cứ vào nội dung kinh tế và vai trò trong quá trình kinh doanh, vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên vật liệu chính: Dầu Do, xăng A92, xăng A95.
- Nguyên vật liệu phụ: có tác dụng bảo quản vật liệu bao gồm: can, thùng, vòi bơm, cột bơm.

2. Phương pháp tính giá NVL nhập - xuất kho áp dụng tại Công ty

* Phương pháp tính giá vật liệu nhập kho

Hiện nay vật liệu của Công ty chủ yếu là nhập trong nước, công ty tổ chức mua vật liệu trọn gói, giao hàng tại kho bên mua và bên mua chịu mọi phí xăng dầu. Phí xăng dầu thường tính ngay vào giá bán. Công ty mua ngoài chủ yếu của đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, do vậy công ty được hạch toán khấu trừ thuế đầu vào đối với vật liệu này.

$$\text{Giá thực tế vật liệu; nhập kho} = \text{Giá mua; (chưa có thuế GTGT)} + \text{Phí xăng dầu; (nếu chưa có trong giá bán)}$$

Ngày 3/5/2006 có phiếu nhập kho Dầu Do. Số lượng nhập 8250 lít. Đơn giá nhập: 6396,7đ/lít.

Cộng tiền hàng giá mua chưa có thuế: 52.772.999 đồng

Thuế GTGT khấu trừ: 5.277.299,9 đồng

Tổng giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho là: 52.772.999 đồng

* Phương pháp tính vật liệu xuất kho

Hàng ngày khi xuất kho vật liệu kế toán chỉ theo dõi ở sổ chi tiết vật liệu theo chỉ tiêu số lượng, chưa xác định giá trị vật liệu xuất kho. Cuối tháng tính giá trị thực tế của từng loại vật liệu xuất kho theo công thức:

Giá trị thực tế; của VL xuất kho = Số lượng VL; xuất kho x
Đơn giá thực tế; bình quân

Trong đó:

Đơn giá thực tế; bình quân = **Error!**

3. Thủ tục nhập xuất và kế toán chi tiết nguyên vật liệu

3.1. Thủ tục nhập vật liệu

Ở Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang việc cung ứng vật liệu chủ yếu là mua ngoài. Theo chế độ kế toán quy định thì tất cả các vật liệu khi mua về đến công ty đều phải làm thủ tục nhập kho. Thực tế tại Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang vật liệu về đến kho, kế toán vật tư xác định số lượng, chất lượng vật liệu, sau đó cho nhập kho theo số lượng ghi trên chứng từ.

Trên cơ sở hoá đơn kiêm phiếu nhập kho của bên bán, của cán bộ vật tư sẽ lập phiếu nhập kho thành 2 liên. Một liên cán bộ phòng vật tư giữ, một liên chuyển cho thủ kho để thủ kho vào thẻ kho.

Định kỳ thủ kho chuyển phiếu nhập kho cho cán bộ kế toán. Kế toán căn cứ vào chứng từ gốc phiếu nhập kho vào sổ chi tiết vật liệu, đồng thời kế toán vật liệu căn cứ vào chứng từ đó để lập bảng tổng hợp chứng từ nhập vật liệu định kỳ kế toán tổng hợp lấy số liệu tổng hợp trên bảng kê để vào sổ làm cơ sở ghi sổ cái.

Đối với vật liệu nhập kho người mua được giao nhận tại kho công ty. Vì vậy giá được xác định nhập kho là giá trị thực tế bao gồm giá ghi trên hoá đơn cộng với phí xăng dầu.

Có số liệu nhập kho dầu Do tại Công ty

Giá thực tế của; vật liệu nhập kho =

Tổng số tiền ghi trên hoá đơn; (bao gồm giá mua + phí xăng dầu)

Công ty CP VTTN Bắc Giang
14 Nguyễn Khắc Nhu - Bắc Giang

Mẫu số 01 GT/KT-3LL
BP/2006B
0064222

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2 (giao cho khách hàng)

Ngày 03 tháng 05 năm 2006

Đơn vị bán hàng: Cửa hàng xăng dầu số 1

Địa chỉ: Đình Trám - Việt Yên - Bắc Giang

Mã số: 2400278645

Tên người mua hàng: Trần Văn Tuấn

Tên đơn vị: Công ty cổ phần vận tải thuỷ bộ Bắc Giang

Địa chỉ: 14 Nguyễn Khắc Nhu - Bắc Giang

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số: 2400278645

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu Do Phí xăng dầu: 2.475.000	lít	8250	6396,7	52.772.999
	Cộng tiền hàng				52.772.999
	Thuế xuất GTGT: 10% tiền thuế GTGT				5.277.299,9
	Tổng cộng tiền thanh toán				58.049.970

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi tám triệu không trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng.

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Trần Văn Tuấn

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Quyên

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Bắc

Công ty CP VTTN Bắc Giang
14 Nguyễn Khắc Nhu - Bắc Giang

Mẫu số 01 VT
Ban hành theo QĐ1141-TC/QĐ
ngày 1 tháng 11 năm 1995
của Bộ Tài chính

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 03 tháng 05 năm 2006

Họ tên người giao hàng: Trần Văn Thọ

Theo hoá đơn số 71591 ngày 03 tháng 05 năm 2006

Của Nguyễn Văn Thọ địa chỉ: Xương Giang - Bắc Giang

Nhập tại kho cửa hàng xăng dầu

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	MS	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Dầu Do		lít		8250	7036,4	58.049.970
	Tổng cộng						58.049.970

Phụ trách cung tiêu
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Thọ

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Quyên

Công ty CP VTTN Bắc Giang
14 Nguyễn Khắc Nhu - Bắc Giang

BIÊN BẢN KIỂM KÊ XĂNG DẦU

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2006 vào hồi 7h30' tại cửa hàng xăng dầu số 1 Đình Trám - Việt yên - Bắc Giang - Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Công ty

Ông: Nguyễn Trí Nguyên - Phó Giám đốc

Ông: Hồ Ngọc Thanh - Kế toán trưởng

2. Đại diện cửa hàng xăng dầu

Ông: Nguyễn Xuân Bắc - Cửa hàng trưởng

Ông: Nguyễn Công Vững - Nhân viên bán hàng.

Đã cùng tiến hành kiểm kê xăng dầu tại cửa hàng tính đến thời điểm ngày 31/05/2006 kết quả kiểm kê như sau:

STT	Tên hàng	ĐVT	Theo sổ sách		Theo kiểm kê		Chênh lệch	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Dầu Do	lít	12.535,6		12.280,4		255,2	
2	Xăng A92	lít	10.114,1		9.917,3		196,8	
3	Xăng A95	lít	5.835,2		5.804,8		30,8	
	Tổng cộng		28.484,9		28.002,5		482,4	

Giải trình số liệu đó:

$$\begin{aligned} - \text{Dầu Do} &= 1.245 = 12.183,3 + 12.309,1)/2 = 12.246,2 + 34,2 \\ &= 12.280,4 \text{ (lít)} \end{aligned}$$

$$- \text{Xăng A92} = 1.050 = 9.806,3 + 6,9 + 104,1 = 9.917,3 \text{ (lít)}$$

$$- \text{Xăng A95} = 715 = (5.747,3 + 5.860,5)/2 = 5.803,9 + 0,9 = 5.804,8 \text{ (lít)}$$

I. Sản lượng xăng dầu hao hụt tháng 5/06: 482,4 lít

$$- \text{Dầu Do} = 255,2 - (158,4 - 158,4) = 255,2 \text{ (lít)}$$

$$- \text{Xăng A92} = 196,8 - (154,4 - 154,4) = 196,8 \text{ (lít)}$$

- Xăng A95 = 30,4 - (51,4 - 51,4) = 30,4 (lít)

II. Sản lượng xăng dầu bán theo số máy 31/05/2006

Số	Cột bơm	SM31/05/2006	SM01/05/2006	Chênh lệch
1	Xăng A92 (ĐT)	1.376.050,6	1.334.812,4	41.238,2
2	Dầu Do (cơ)	1.684.143,9	1.641.932,7	42.211,2
3	Xăng A95 (ĐT)	329.711,6	327.990,0	1.721,6
4	Xăng A92 (ĐT)	341.715,2	332.345,5	9.369,7
5	Dầu Do (cơ)	1.759,451,7	1.728.007,6	31.444,1

Tổng số: 125.954,8 (lít)

- Dầu Do = 42.211,2 + 31.444,1 = 73.655,3 (lít)

- Xăng A92 = 41.238,2 + 9.369,7 = 50.607,9 (lít)

- Xăng A95 = 1.721,6 (lít)

III. Sản lượng xăng dầu bán theo báo cáo 31/05/2006

- Dầu Do = 73.655,3 (lít)

- Xăng A92 = 50.607,9 (lít)

- Xăng A95 = 1.721,6 (lít)

Tổng số: 125.983,2 (lít)

IV. Chênh lệch giữa số máy và báo cáo tháng 05/2006 = 1,6 (lít)

+ Xăng A95 = 1,721,6 - 1.720,0 = 1,6 (lít)

+ Nguyên nhân:

- Ngày 04/05/2006: Bơm sửa có cột bơm xăng A95 = 1,6 (lít)

V. Xử lý hao hụt xăng dầu tháng 4/2006

Dầu Do = 158,4 x 7.032,0 đ/lít = 1.113.869đ

Xăng A92 = 154,4 x 9.864,2 đ/lít = 1.523.032đ

Xăng A95 = 51,4 x 8.781,8đ/lít = 451,385đ

Tổng cộng: 364,2 lít = 3.088.286 đ

Bên bán lập sang cùng ngày được thông qua các thành viên và nhất trí ký tên.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

ĐẠI DIỆN CỬA HÀNG

Nguyễn Trí Nguyễn

Nguyễn Xuân Bắc

3.2. Thủ tục xuất kho NVL và cách tính NVL xuất kho

Căn cứ vào kế hoạch và tình hình kinh doanh cũng như nhu cầu xin lĩnh NVL của cửa hàng xăng dầu được thủ trưởng đơn vị và giám đốc ký duyệt. Cửa hàng lập phiếu xuất kho với sự cho phép của người phụ trách NVL. Sau đó phiếu xuất kho được chuyển cho bộ phận cung tiêu duyệt, thủ kho phải ghi sổ thực xuất vào phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho được lập thành 2 bản: một bản lưu lại trên sổ của cửa hàng còn một lưu thủ kho giữ để vào thẻ kho và chuyển cho kế toán NVL để hạch toán.

Để phản ánh kịp thời, chính xác giá trị của NVL xuất dùng phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp, doanh nghiệp đã tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân gia quyền:

Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ = Giá trị thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ chia cho số lượng thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ.

3.3. Kế toán chi tiết vật liệu

Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang hiện đang hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Theo phương pháp này hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được tiến hành như sau:

+ Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng, thẻ kho do kế toán lập và ghi vào sổ đăng ký thẻ kho trước khi giao cho thủ kho ghi chép.

- Cách ghi thẻ kho: Căn cứ vào chứng từ nhập, xuất thủ kho ghi số lượng nhập, xuất vào thẻ kho của từng vật liệu. Mỗi vật liệu được mở riêng một tờ một thẻ, mỗi chứng từ được ghi trên một dòng. Cuối ngày thủ kho tính ra số lượng hàng tồn kho trên vào cột "tồn" trên thẻ kho. Cuối tháng lên bảng kê vật tư tồn cuối tháng.

* Ở phòng kế toán: Định kỳ khi nhận được các chứng từ, bảng kê chi tiết phiếu nhập, xuất kho do thủ kho gửi đến kế toán kiểm tra rồi hoàn chỉnh

chứng từ, sau đó căn cứ vào các chứng từ để ghi vào sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu, mỗi loại vật liệu được mở chi tiết theo dõi hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho theo số lượng và giá trị. Sau đó kế toán vật liệu lập bảng kê chi tiết vật liệu xuất kho. Căn cứ vào bảng kê chi tiết nhập, xuất, kế toán lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu tính ra số tồn kho của từng loại để đối chiếu với thủ kho.

Công ty CP VTTN Bắc Giang
14 Nguyễn Khắc Nhu - Bắc Giang

Mẫu số 01-VT
Ban hành theo QĐ1141-TC/QĐ
ngày 1 tháng 11 năm 1995
của Bộ Tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01 tháng 05 năm 2006

Họ tên người nhận hàng:

Lý do xuất kho: xuất kho bán lẻ xăng dầu tháng 05/2006

Của Nguyễn Văn Thọ địa chỉ: Xương Giang - Bắc Giang

Xuất tại kho: Cửa hàng xăng dầu.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (SP,HH)	MS	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Dầu Do		lít		1583,2	6937,7	10.983.767
	Tổng cộng						10.983.767

Phụ trách cung tiêu
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Quyên

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Bắc

Công ty CP VTTN Bắc Giang
14 Nguyễn Khắc Nhu - Bắc Giang

Mẫu số 01-VT
Ban hành theo QĐ1141-TC/QĐ
ngày 1 tháng 11 năm 1995
của Bộ Tài chính

THẺ KHO

Ngày 01 tháng 05 năm 2006

Ngày lập thẻ: 01 tháng 01 năm 2006

Tháng 05 năm 2006

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Dầu Do

Đơn vị tính: lít

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Kế toán ký xác nhận
	Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn ĐK				10.219,3	
1.	01/5	03/05	Nhập		8.250		18.469,3	
2.	02/5	04/05	Nhập		8.250		26.719,3	
3.	01/5	01/05	Xuất			1.538,767	25.136,1	
4.	02/5	02/05	Xuất			4.909,9	20.226,2	
5.	03/5	03/05	Xuất			2.940,9	17.285,5	
6.	04/5	04/05	Xuất			2.212,7	15.072,8	
7.	03/5	05/05	Nhập		8.250		23.322,8	
8.	05/5	05/05	Xuất			2.172,9	21.149,9	
9.	06/6	06/05	Xuất			2.861,4	18,288,5	
10.	07/7	07/05	Xuất			1.673,4	16.614,6	
11.	08/5	08/05	Xuất			2.958,6	13.656,0	
12.	04/5	10/05	Nhập		8.720		22.376,0	
13.	09/5	09/05	Xuất			2.231,7	20.144,3	
14.	10/5	10/05	Xuất			2.612,8	17.531,5	
15.	07/5	12/05	Nhập		8.720		26.251,5	
16.	11/5	11/05	Xuất			2.080,5	24,171,0	

Báo cáo thực tập

17.	12/5	12/05	Xuất			3.736,9	20.434,1	
18.	13/5	13/05	Xuất			1.895,0	18.539,1	
19.	14/5	14/05	Xuất			2.808,3	15.730,8	
20.	09/5	16/05	Nhập		8.250		23.980,8	
21.	15/5	15/05	Xuất			2.556,0	21.424,8	
22.	16/5	16/05	Xuất			2.676,9	18.747,9	
23.	17/5	17/05	Xuất			2.464,5	16.283,4	
24.	18/5	18/05	Xuất			2.357,4	13.826,0	
25.	12/5	19/05	Nhập		8.720,0		22.646,0	
26.	19/5	19/05	Xuất			2.703,4	19.942,6	
27.	20/5	20/05	Xuất			3.524,0	16.418,6	
28.	21/5	21/05	Xuất			2.510,9	13.907,7	
29.	13/5	22/05	Nhập		8.250,0		22.157,7	
30.	22/5	22/05	Xuất			2.583,3	19.574,4	
31.	23/5	23/05	Xuất			2.148,5	17.425,9	
32.	15/5	26/05	Nhập		8.720,0		26.145,9	
33.	24/5	24/05	Xuất			1.317,8	24.828,1	
34.	25/5	25/05	Xuất			1.771,9	23.056,2	
35.	26/5	26/05	Xuất			1.925,2	21.131,0	
36.	27/5	27/05	Xuất			1.993,4	19.137,1	
37.	28/5	28/05	Xuất			1.940,3	17.196,8	
38.	29/5	29/05	Xuất			1.297,1	15.899,7	
39.	30/5	30/05	Xuất			1.724,2	14.175,5	
40.	31/5	31/05	Xuất			1.481,5	12.694,0	
41.	31/5	31/05	Xuất			158,4	12.535,6	
			Cộng PS		76.130,0	73.813,7		
			Tồn CK				12.535,6	

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Quyên

Hồ Ngọc Thanh

Nguyễn Xuân Bắc

Công ty CP VTTN Bắc Giang

Mẫu số S13-SKT/DNN

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Năm 2006

Tài khoản: 152

Tên vật liệu: Dầu Do

Đơn vị tính: lít

Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT			Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
		Tồn ĐK						10.219,3	69.272.274
01/5	03/05	Nhập kho Bắc Sơn	7,036.4	8,250.0	58,049,970			18,469.3	127,321,244
02/5	01/05	Nhập kho Bắc Sơn	7,036.4	8,250.0	58,049,970			26,719.3	185,371,214
01/5	01/05	Xuất kho bán lẻ	6,937.7			1,583.2	10,983,767	25,136.1	174,387,447
02/5	02/05	Xuất kho bán lẻ	6,937.7			4,909.9	34,063,413	20,226.2	140,324,034
03/5	03/05	Xuất kho bán lẻ	6,937.7			2,940.7	20,401,694	17,285.5	119,922,340

Báo cáo thực tập

...
28/5	28/05	Xuất kho bán lẻ	7,032.0			1,940.3	13,644,190	17,196.8	120,927,245
29/5	29/05	Xuất kho bán lẻ	7,032.0			1,297.1	9,121,207	15,899.7	111,806,038
30/5	30/05	Xuất kho bán lẻ	7,032.0			1,724.2	12,124,574	14,175.5	99,681,463
31/5	31/05	Xuất kho bán lẻ	7,032.0			1,481.5	10,417,908	12,694.0	89,263,555
32/5	31/05	Xuất kho xử lý HHT 4	7,032.0			158.4	1,113,869	12,535.6	88,149,686
		Tổng cộng		76,130.0	535,678,086	73,813.7	516,799,674	12,535.6	88,149,686

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đặng Trường Bản

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Năm 2006

Tài khoản: 152

Tên vật liệu: Xăng A92

Đơn vị tính: lít

Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT			Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
		Tồn ĐK						17,746.4	154,245,437
01/5	01/05	Xuất kho bán lẻ	8,691.6			2,003.6	17,414,490	15,742.8	136,830,947
02/5	02/05	Xuất kho bán lẻ	8,691.6			2,057.4	17,882,098	15,741.8	118,948,849
03/5	03/05	Xuất kho bán lẻ	8,691.6			1,707.9	14,844,384	11,977.5	104,104,466
04/5	04/05	Xuất kho bán lẻ	8,691.6			1,450.4	12,606,297	10,527.1	91,498,169
05/5	05/05	Xuất kho bán lẻ	8,691.6			1,824.3	15,856,086	8,702.8	75,642,083
...
28/5	28/05	Xuất kho bán lẻ	9,864.2			1,776.5	17,523,751	14,592.5	143,944,276
29/5	29/05	Xuất kho bán lẻ	9,864.2			1,324.1	13,061,187	13,268.8	130,883,088

Báo cáo thực tập

5	5	kho bán lẻ	2					4	8
30/5	30/05	Xuất kho bán lẻ	9,864.			1,554.3	15,331,926	11,714.	115,551,08
			2					1	8
31/5	31/05	Xuất kho bán lẻ	9,864.			1,445.6	14,259,688	10,268.	115,551,16
			2					5	2
32/5	31/05	Xuất kho xử lý HHT4	9,864.			154.4	1,523,032	10,114.	101,291,47
			2					1	5
		Tổng cộng				50,762.	480,287,84	10,114.	99,768,442
						3	2	1	

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đặng Trường Bản

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Năm 2006

Tài khoản: 152

Tên vật liệu: Xăng A95

Đơn vị tính: lít

Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT			Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
		Tồn ĐK						7,606.6	66,799,825
01/5	01/05	Xuất kho bán lẻ	8,781.8			35.4	310,876	7,571.2	66,488,949
04/5	04/05	Xuất kho bán lẻ	8,781.8			34.5	302,972	7,536.7	66,185,977
05/5	05/05	Xuất kho bán lẻ	8,781.8			45.5	399,572	7,491.2	65,786,405
06/5	06/05	Xuất kho bán lẻ	8,781.8			75.1	659,513	7,426.1	65,126,892
07/5	07/05	Xuất kho bán lẻ	8,781.8			39.7	348,637	7,376.4	64,778,255
...
28/5	28/05	Xuất kho bán lẻ	8,781.8			27.8	244,134	6,162.0	54,113,637
29/5	29/05	Xuất kho	8,781.8			89.6	786,849	6,072.4	53,326,787

Báo cáo thực tập

		bán lẻ							
30/5	30/05	Xuất kho bán lẻ	8,781.8			63.0	553,253	6,009.4	52,773,534
31/5	31/05	Xuất kho bán lẻ	8,781.8			122.8	1,078,405	5,886.6	51,695,129
32/5	31/05	Xuất kho xử lý HHT4	8,781.8			51.4	451,385	5,835.2	51,243,744
		Tổng cộng				1,771.4	15,556,081	5,835.2	51,243,744

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đặng Trường Bản

**BẢNG TỔNG HỢP
XUẤT NHẬP TỒN VẬT LIỆU**

Tài khoản: 152
Tháng 5 năm 2006

STT	Tên quy cách vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Dầu Do	69,271,274	535,678,086	516,799,674	88,149,686
2	Xăng A92	154,245,437	425,810,847	480,287,842	99,768,442
3	Xăng A95	66,799,825	0	15,556,081	51,243,744
...
	Cộng	151.495,7	9.614,895	115.264,836	531.292.5

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 09/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2006

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Phải thu tiền bán xăng A95	131		19.436.000	
		Thuế VAT đầu ra		333	1.688.727	
		Doanh thu bán xăng A95		511	17.747.273	
		Cộng			19.436.000	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 10/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2006

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Phải thu tiền bán dầu Do	131		581.876.70	
		Thuế VAT đầu ra		333	50.889.115	
		Doanh thu bán dầu Do		511	530.987.755	
		Cộng			581.876.755	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 11/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2006

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Phải thu tiền bán xăng A92	131		556.686.900	
		Thuế VAT đầu ra		333	48.307.543	
		Doanh thu bán xăng A92		511	508.379.357	
		Cộng			556.686.900	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 12/05

Ngày 31 tháng 5 năm 2006

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Phải thu tiền bán dầu nhờn	131		16.785.400	
		Thuế VAT đầu ra		333	1.525.945	
		Doanh thu bán dầu nhờn		511	15.254.455	
		Cộng			16.785.400	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Đơn vị: Công ty CP VTTN Bắc Giang

Mẫu số: S02-SKT/DNN

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2006

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
09	31/05	19.436.000			
10	31/05	581.876.870			
11	31/05	556.686.900			
12	31/05	16.785.400			
Cộng		11.747.851			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hồ Ngọc Thanh

SỔ CÁI NĂM 2006

Tên TK: Vật liệu

Số hiệu: 152

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
31/5	02		Nhập kho dầu nhờn	111	12.668.175		
	05		Nhập kho xăng dầu T5	331	967.034.386		
	06		Xuất kho bán lẻ giá vốn	632		1.025.416.942	
	20		Nhập kho mở bơm	331	1.200.000		
			Cộng phát sinh		980.902.561	1.025.416.942	
			Luỹ kế		4.967.898.88	4.830.610.221	
			Số dư		276.476.835		

CHƯƠNG III
MỘT SỐ Ý KIẾN VÀ NHẬN XÉT NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
THUỠ BỘ BẮC GIANG

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỠ BỘ BẮC GIANG

Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ để hạch toán công tác kế toán NVL thực hiện đúng chế độ hiện hành của Nhà nước kế toán NVL phản ánh đầy đủ chính xác, cập nhật hàng ngày vào bảng kê chứng từ, các khoản nộp ngân sách đầy đủ, đúng thời gian.

Từ đặc điểm của công ty là một đơn vị sản xuất kinh doanh mang tính chất dịch vụ là chủ yếu. Do đó sản phẩm của công ty mang hình thái vật chất mà chỉ làm tăng thêm giá trị của sản phẩm. Vì vậy công ty luôn luôn quan tâm đến việc nghiên cứu tìm ra những biện pháp quản lý mới để thích ứng với tình hình thực tế của công ty và yêu cầu quản lý kinh tế hiện nay.

Sau một thời gian ngắn tìm hiểu và tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng. Tuy thời gian về tìm hiểu thực tế tại Công ty chưa nhiều, nhưng qua báo cáo thực tập em xin mạnh dạn trình bày một số ưu điểm, nhược điểm và một số ý kiến về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty như sau:

*** Ưu điểm:**

- Về chế độ chứng từ kế toán: Công ty đã áp dụng theo đúng chế độ quy định của Nhà nước, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý, đảm bảo cho việc quản lý và hạch toán vật liệu được thuận lợi giúp cho các nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt tình hình vật liệu của công ty.

- Về tổ chức hệ thống sổ kế toán vật liệu: Công ty đã tổ chức hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán rất rõ ràng, phù hợp với tình hình của công ty và đảm bảo đúng chế sách của Nhà nước.

*** Nhược điểm:**

Công ty sản xuất kinh doanh là vận tải hàng hoá và hành khách bằng phương tiện vận tải thuỷ bộ. Do vậy vật liệu của công ty chủ yếu để đáp ứng cho các phương tiện vận tải, thuỷ bộ và vật liệu chỉ bán lẻ chủ yếu.

II. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ BỘ BẮC GIANG

NVL của công ty là xăng dầu, vì vậy việc hao hụt không tránh khỏi cần hạn chế sự hao hụt quá nhiều và xử lý ở mức phù hợp.

Số chênh lệch giữa số máy cột bơm xăng, dầu và báo cáo thống kê để tìm ra đúng nguyên nhân và hướng khắc phục hợp lý, chính xác.

Trên đây là một số ý kiến của em về tổ chức công tác kế toán NVL tại Công ty cổ phần vận tải thuỷ bộ Bắc Giang. Em mong rằng ý kiến đó góp một phần nhỏ vào công việc hoàn thiện hơn để công tác hạch toán kế toán nói chung và kế toán NVL nói chung.

KẾT LUẬN

Việc quản lý vật liệu thông qua công tác NVL giúp cho doanh nghiệp sử dụng vật liệu một cách tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả hơn, đồng thời đề ra những biện pháp hữu hiệu nhằm giảm chi phí xăng dầu, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Cũng không nằm ngoài xu thế chung phát triển kinh tế xã hội, Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang muốn đứng vững và phát triển trên thị trường thì phải hoàn thiện mình, hoàn thiện công tác quản lý vật liệu để phát huy tối đa những mặt mạnh và khắc phục những điểm còn hạn chế.

Sau khi được đào tạo tại trường Trung học Công nghệ và quản trị kinh doanh Hà Nội cùng với thời gian thực tập, nghiên cứu tình hình thực tế tại Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang. Em đã hoàn thành báo cáo với đề tài "Kế toán nguyên vật liệu" với sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo Nguyễn Quỳnh Như và các cô chú, anh chị cán bộ phòng tài vụ Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang.

Do thời gian thực tập có hạn và kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nên báo cáo thực tập tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong được giúp đỡ đóng góp ý kiến của thầy cô giáo và các cô chú, anh chị trong Công ty cổ phần vận tải thủy bộ Bắc Giang để báo cáo của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Bắc Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2006

Sinh viên

Nguyễn Thị Nga

